

Số: 2138/QĐ-UBND

Việt Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố, công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự  
toán ngân sách huyện Việt Yên 6 tháng đầu năm 2019**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thu hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 237/TTr-TCKH ngày 11/7/2019 của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Việt Yên 6 tháng đầu năm năm 2019 của huyện Việt Yên, cụ thể như sau:

1. Về số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2019: Theo các biểu mẫu số 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN đính kèm.

2. Về thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2019:

2.1. Về thu NSNN: Thực hiện thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2019 đạt: 1.312.825 triệu đồng (*trong đó: thu tiền sử dụng đất: 1.063.321 triệu đồng*) đạt 129% dự toán, tăng 152% so với cùng kỳ. Thu nội địa: 1.312.825 triệu đồng đạt 129% dự toán, tăng 152% so với cùng kỳ. Một số lĩnh vực thu đạt khá như: Thu ngoài quốc doanh đạt 68%, tăng 59% so cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân 87%, tăng 118% so cùng kỳ; lệ phí trước bạ 68%, tăng 62% so với cùng kỳ; thu tiền sử dụng đất đạt 142%, tăng 177% so với cùng kỳ; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 176% dự toán, bằng 6% so cùng kỳ.

*(Chi tiết có biểu kèm theo)*

2.2. Về chi ngân sách huyện: Thực hiện 6 tháng đầu năm là 665.993 triệu đồng, đạt 52% dự toán huyện giao, tăng 22% so với cùng kỳ. Trong đó:

a) Chi cân đối ngân sách huyện: 651.514 triệu đồng, đạt 52% dự toán huyện giao, tăng 25% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 377.033 triệu đồng, đạt 56% dự toán, tăng 42% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 243.100 triệu đồng, đạt 48% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ.

- Chi dự phòng ngân sách: 759 triệu đồng, đạt 5% dự toán, tăng 560% so với cùng kỳ.

- Chi chuyển giao ngân sách: 30.622 triệu đồng, đạt 49% dự toán.

Trong đó: Bổ sung cân đối: 30.586 triệu đồng, đạt 49% dự toán; chi nộp NS cấp trên 36 triệu đồng.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện: 14.479 triệu đồng.

*(Chi tiết có biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài chính Bắc Giang;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên;
- Tòa án nhân dân huyện Việt Yên;
- Các Ban xây dựng Đảng;
- Các Ban-HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBMTTQ và các Đoàn thể nhân dân huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Trang thông tin điện tử huyện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 2138/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 06 tháng năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.020.829</b>	<b>1.186.046</b>	<b>116</b>	<b>170</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>743.859</b>	<b>863.765</b>	<b>116</b>	<b>180</b>
1	Thu nội địa	743.859	863.765	116	180
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>276.970</b>	<b>160.680</b>	<b>58</b>	<b>74</b>
-	Thu bổ sung cân đối	237.926	100.000	42	71
-	Thu bổ sung có mục tiêu	39.044	60.680	155	80
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>161.601</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.278.623</b>	<b>665.993</b>	<b>52</b>	<b>122</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>1.259.675</b>	<b>651.514</b>	<b>52</b>	<b>125</b>
1	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	675.000	377.033		142
	<i>Trong đó: Chi đầu tư XD CB</i>	<i>650.246</i>	<i>363.233</i>	<i>56</i>	<i>144</i>
2	Chi thường xuyên	505.731	243.100	48	108
3	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	62.260	30.622	49	94
	Bổ sung cân đối	62.260	30.586	49	97
	Bổ sung có mục tiêu		36		
4	Dự phòng ngân sách	16.684	759	5	660
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>18.948</b>	<b>14.479</b>	<b>76</b>	<b>69</b>

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2019**  
(Kèm theo Quyết định số: 2138/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng năm 2019	So sánh ước thực	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.018.112</b>	<b>1.312.825</b>	<b>129</b>	<b>252</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>1.018.112</b>	<b>1.312.825</b>	<b>129</b>	<b>252</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		798		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		1.024		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	178.400	120.634	68	159
4	Thuế thu nhập cá nhân	16.000	13.935	87	218
5	Thuế bảo vệ môi trường		60.655		
6	Lệ phí trước bạ	51.000	34.896	68	162
7	Thu phí, lệ phí	5.785	4.250	73	134
8	Các khoản thu về nhà, đất	751.627	1.066.872	142	263
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	850	827	97	112
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	750.000	1.063.321	142	277
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	777	1.367	176	6
	<i>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</i>		1.357		1.020
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	11.700	5.542		151
	- Phạt VPHC do CQ tỉnh thực hiện	600			
	- Phạt ATGT	5.500	1.851		
	- Thu khác	3.300	3.691		
11	Thu cố định tại xã	3.600	4.219	117	206
12	Thu các khoản huy động đóng góp		-		-
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>743.859</b>	<b>863.765</b>	<b>116</b>	<b>244</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	737.109	860.100	117	339
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	6.750	3.665	54	189



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2019

Quyết định số: 2138/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 06 tháng năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.278.623</b>	<b>665.993</b>	<b>52</b>	<b>122</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.259.675</b>	<b>651.514</b>	<b>52</b>	<b>125</b>
<b>I</b>	<b>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>675.000</b>	<b>377.033</b>	<b>56</b>	<b>142</b>
1	Chi đầu tư phát triển	650.246	363.233	56	144
2	Chi công tác quản lý đất đai	20.000	12.347	62	176
3	Phí thẩm định đấu giá quyền sử dụng đất	1.000	1.186	119	223
4	Chi quy hoạch	3.753	267	7	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>505.731</b>	<b>243.100</b>	<b>48</b>	<b>108</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	282.489	133.902	47	107
2	Chi y tế, dân số và gia đình		320		21
3	Chi văn hóa thông tin	2.646	2.515	95	89
4	Chi phát thanh, truyền hình	2.322	982	42	118
5	Chi thể dục thể thao	1.071	321	30	93
6	Chi quốc phòng	8.285	5.010	60	121
7	Chi an ninh	2.862	1.500	52	304
8	Chi bảo vệ môi trường	14.400	429	3	63
9	Chi hoạt động kinh tế	27.999	20.090	72	134
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	104.929	55.569	53	110
11	Chi bảo đảm xã hội	41.332	21.349	52	102
12	Chi khác ngân sách	2.737	1.113	41	64
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	14.659		-	
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>16.684</b>	<b>759</b>	<b>5</b>	<b>660</b>
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển giao ngân sách</b>	<b>62.260</b>	<b>30.622</b>	<b>49</b>	<b>94</b>
1	Bổ sung cân đối	62.260	30.586	49	97
2	Bổ sung có mục tiêu		-		
3	Chi nộp NS cấp trên		36		
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>18.948</b>	<b>14.479</b>		
1	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	1.584	587		
2	Kinh phí miễn thu thủy lợi phí		4.732		
3	Hỗ trợ cơ sở vật chất trường mầm non theo NQ 28/2014/NQ-HĐND	3.250	3.250		
4	Hỗ trợ thực hiện thủy lợi, giao thông nội đồng, kênh mương...	3.032	3.032		
5	CTMT QG xây dựng nông thôn mới	6.777	1.360		
6	Kinh phí thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và thôn, tổ dân phố	579			
7	Hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí	3.726	1.518		

